TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16/5/2018
V/v "*Tranh chấp ly hôn, về nuôi con chung* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cá

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Huỳnh Minh Trung

Bà Trần Thu Hận

- ***Thư ký phiên Tòa*** : Bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riền g***: Không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 136/2018/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2018 vụ tranh chấp "Ly hôn, về nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 28/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2018, giữa :

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thúy T, sinh năm: 1982; Địa chỉ: ấp Thạnh T, xã Trung H, huyện C, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1979 Địa chỉ: ấp Thạnh Đ, xã Thạnh P, huyện, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/03/2018 và trong quá trình xét xử , nguyên đơn chị Nguyễn Thúy T trình bày: Chị và anh T lấy nhau do mai mối, được hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới vào năm 2002 nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 02 năm thì bắt đầu không còn hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh T thường xuyên đi nhậu không lo làm ăn, chị khuyên thì anh T đánh chị, vì thương con chị đã cho anh thời gian sửa đổi nhưng không có kết quả, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ ngày 05/6/2017 và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc , hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung : Trong quá trình chung sống anh, chị có 02 đứa con chung tên Phạm Tuấn A, sinh ngày 12/10/2003 và Phạm Vĩ E, sinh ngày 17/12/2008, hiện đang sống chung với anh T, các con đã lớn nếu theo ai thì người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 20/4/2018 anh Phạm Văn T trình bày: Anh và chị T tiến tới hôn nhân là do mai mối và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Hôn nhân của anh chị vẫn sống hạnh phúc từ khi cưới cho đến ngày 05/6/2017 (al) anh và chị T có cãi vã và đánh nhau. Sau đó, bên gia đình vợ tự ý qua rước chị T về, trước khi đi anh có nói với chị T đi anh cho đi trong hạn 10 ngày nếu trong 10 ngày không về thì không được về. Từ đó, đến nay chị T không về và hôm nay làm đơn xin ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai người con chung tên Phạm Tuấn A, sinh ngày 12/10/2003 và Phạm Vĩ E, sinh ngày 17/12/2008 hiện đang sống với anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án , kết quả hỏi và tranh luận tại phiên Tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thúy T yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp "Ly hôn, về nuôi con chung" giữa chị với anh T. Theo quy định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 01 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thúy T và anh Phạm Văn T trước khi lấy nhau không tìm hiểu trước mà do mai mối và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2002 nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp . Do đó, áp dụng Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ; Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thúy T và anh Phạm Văn T là vợ chồng.

{2.2} Về con chung : Chị T và anh T thống nhất thỏa thuận ; chị T giao 02 con chung tên Phạm Tuấn A, sinh ngày 12/10/2003 và Phạm Vĩ E, sinh ngày 17/12/2008 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Tại bản tự khai ngày 09/3/2018 của 02 cháu Tuấn A và Vĩ E 02 cháu có nguyện vọng được sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy việc thỏa thuận trên của chị T và anh T là hoàn toàn tự nguyện và nguyện vọng của các cháu nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trên. Anh T không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Chị Nguyễn Thúy T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cấm.

{2.3} Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết..

{2.4} Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thúy T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002517 ngày 17/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, khoản 4 Điều 147, của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân : Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thúy T và anh Phạm Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận là chị Nguyễn Thúy T giao 02 cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 12/10/2003 và Phạm Vĩ E, sinh ngày 17/12/2008 cho anh Phạm Văn T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi 02 cháu trưởng thành đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Anh T không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Chị Nguyễn Thúy T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cấm.

3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thúy T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002517 ngày 17/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị T đã nộp đủ.

Chị T và anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể ngày tuyên án ngày 16/5/2018.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Vp